



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020 - CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

 Số 121 Lê Trung Đình, Phường Trần Hưng Đạo, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

 0552 382 2647

 agtexqng@dng.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Thông tin khái quát	7
Ngành nghề kinh doanh	8
Địa bàn kinh doanh	9
Quá trình hình thành và phát triển	11
Sơ đồ tổ chức	13
Định hướng phát triển	15
Quản trị rủi ro	17

Phần 01
THÔNG TIN CHUNG

Phần 04
BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

61	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
63	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	25
Tổ chức và nhân sự	27
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	38
Tình hình tài chính	39
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	42
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	43

Phần 02
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

Phần 05
BÁO CÁO QUẢN TRỊ
CÔNG TY

67	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
67	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
74	Ban Kiểm soát
76	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	47
Tình hình tài chính	49
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	50
Kế hoạch phát triển trong tương lai	51
Trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	57

Phần 03
BÁO CÁO CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phần 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

81	Ý kiến kiểm toán
83	Báo cáo tài chính được kiểm toán

Phần 01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát về Công ty
- Ngành nghề kinh doanh
- Địa bàn kinh doanh
- Quá trình hình thành và phát triển
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Quản trị rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI
Tên Tiếng Anh	28 Quang Ngai Joint Stock Company
Tên viết tắt	AGTEX
Mã chứng khoán	AQN
Vốn điều lệ	15.110.970.000 đồng
Trụ sở chính	Số 121 Lê Trung Đình, Phường Trần Hưng Đạo, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại	0552 382 2647
Fax	0552 382 8507
Email	gtexqng@dng.vnn.vn
Website	www.agtex28qng.com
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	4300346609 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 25/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 16/09/2019.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi tiền thân là Chi nhánh Công ty 28 Quảng Ngãi – Thành viên của Tổng Công ty 28 trực thuộc Bộ Quốc Phòng được biết đến như một đơn vị hậu cần đơn thuần chuyên sản xuất may mặc phục vụ quốc phòng, an ninh. Bằng sự nỗ lực không ngừng trong nhiều năm qua, Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ, từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu riêng trên thị trường Việt Nam cũng như vươn cao ra Thế giới.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, gia công hàng may mặc.

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất và gia công hàng may mặc phục vụ cả thị trường trong nước và xuất khẩu, với sản phẩm chủ đạo là mặt hàng thời trang và đồ bảo hộ lao động, cụ thể:

- Kinh doanh hàng may mặc; Mua bán nguyên phụ liệu ngành may; Mua bán trang thiết bị ngành may; Xuất khẩu sản phẩm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất.
- May trang phục nam, nữ; Sản xuất quần áo trẻ em, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động.
- May gia công; Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo .



Thị trường trong nước

Là đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần, Công ty đảm nhiệm vai trò sản xuất các sản phẩm quân phục cho các đơn vị trực thuộc Quân đội với số lượng, chủng loại từng sản phẩm theo chỉ tiêu do Tổng cục Hậu cần phân bổ cho từng đơn vị thành viên.

Thị trường xuất khẩu

Hiện tại, đa số doanh thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu. Những sản phẩm chủ lực của Công ty như: Quần áo bảo hộ lao động, áo khoác, áo Jacket, áo kiểu nữ, áo Ghile, váy, đầm kiểu... được xuất khẩu tới nhiều quốc gia như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản. Các sản phẩm của Công ty, đặc biệt là những sản phẩm quần áo bảo hộ lao động được thị trường đánh giá cao về mẫu mã và chất lượng, theo đó Công ty đã hợp tác với những khách hàng nước ngoài sở hữu những nhãn hiệu hoặc chuỗi phân phối nổi tiếng như: Snickers Workwear (Thụy Điển), Aitoz (Nhật Bản), Kurodaruma (Nhật Bản), Li & Fung (Hong Kông), Next (Anh), Primark (Anh), Guess (Mỹ), Jcpenney (Mỹ), Original Marines (Mỹ),...



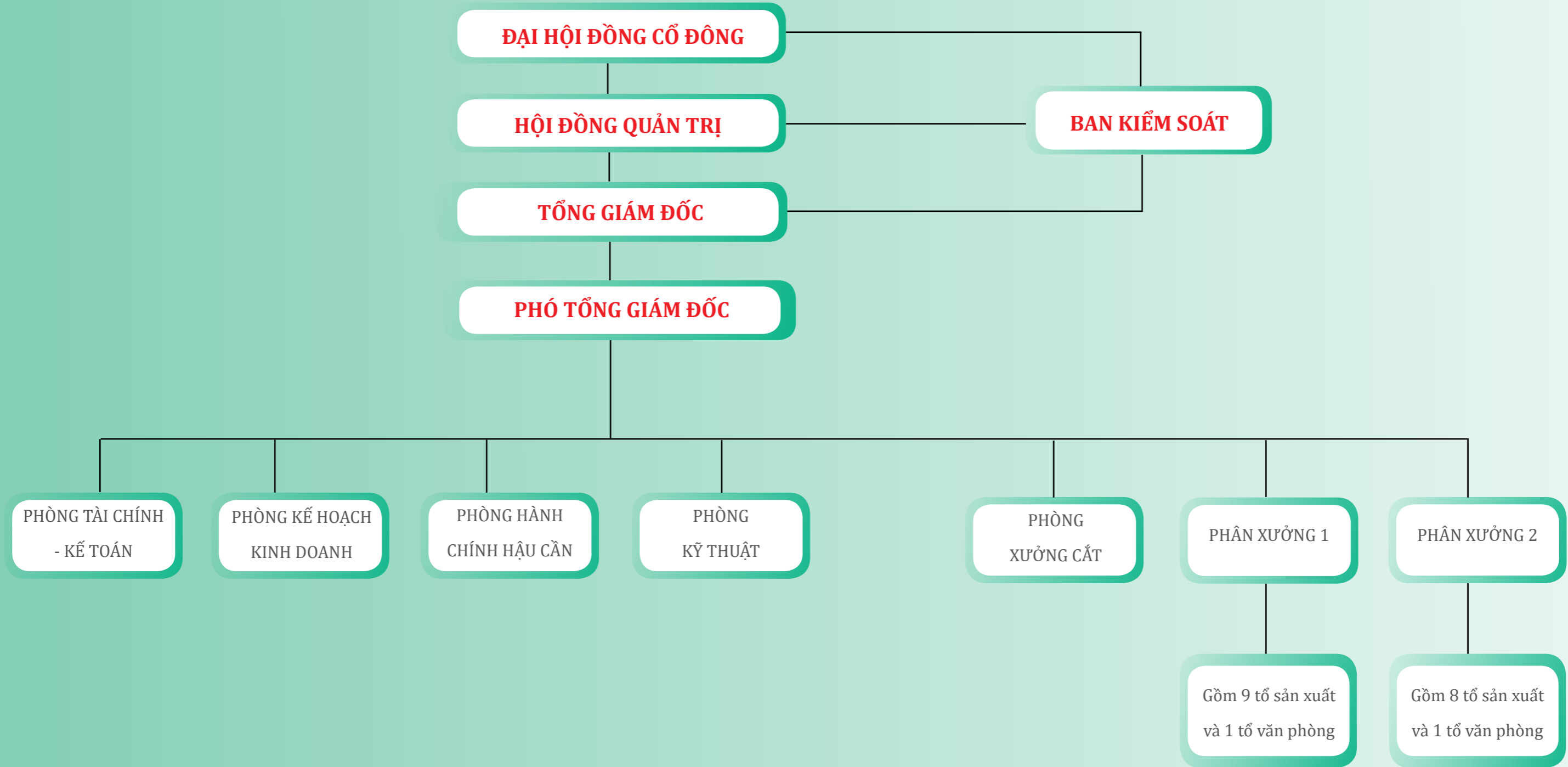


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đầu tiên, Công ty luôn không ngừng nỗ lực để trở thành một trong những doanh nghiệp dệt may hàng đầu khu vực miền Trung.

Mặt khác, Công ty không dừng lại ở đó mà luôn phấn đấu theo đuổi mục tiêu trở thành nhà sản xuất chuyên cung cấp hàng may mặc cao cấp hàng đầu Việt Nam và danh tiếng trên Thế Giới.

- Duy trì và tiếp tục cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn khác bằng những sản phẩm dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao. Đồng thời Công ty xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín và chuyên nghiệp đối với khách hàng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến tốc độ giao hàng, quản lý chi phí sản xuất,
- Chú trọng quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên trở thành những người có năng lực thực thụ, chuyên nghiệp, lành nghề và trình độ chuyên môn cao.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh (SXKD) phát triển với tốc độ cao.
- Đảm bảo đời sống cho người lao động và lợi ích tối đa cho các cổ đông
- Phát triển thêm các phương thức kinh doanh hàng nội địa, ngành nghề khác khi có điều kiện.

Chiến lược của Công ty

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty



Mục tiêu đối với môi trường

Ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của con người. Vì vậy, các hoạt động sản xuất của Công ty ngoài việc đảm bảo chất lượng, số lượng thì Công ty luôn đảm bảo vệ sinh môi trường bên trong Công ty và bên ngoài khuôn viên. Ngoài ra, các chất thải luôn được Công ty xử lý đúng tiêu chí an toàn theo tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Đối với xã hội và cộng đồng, các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) là hoạt động cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn thông qua các chương trình ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa. Với người lao động, trong những năm qua, Công ty đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động với chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Cùng với những chính sách lương, thưởng, phúc lợi hợp lý, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ tốt nhất cho CBCNV, góp phần giúp họ ổn định cuộc sống, nâng cao tinh thần làm việc, hăng say lao động, từ đó gắn bó lâu dài với Công ty.



RỦI RO KINH TẾ

Đại dịch COVID-19 bùng phát từ thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, với ca bệnh đầu tiên được phát hiện vào khoảng tháng 11/2019. Tới đến thời điểm tháng 9/2020, dịch bệnh đã kéo dài gần 10 tháng, lan rộng tới 210 quốc gia và vùng lãnh thổ, gây gián đoạn tới nhiều lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của Việt Nam nói riêng và Thế Giới nói chung. Bộ Công Thương nhận định, dưới tác động của dịch Covid-19, dệt may là một trong những ngành hàng chịu thiệt hại trực tiếp lớn nhất cùng với ngành du lịch, hàng không, da giày. Tình hình sản xuất, xuất khẩu ngành dệt may gặp nhiều khó khăn. Tổng cầu dệt may thế giới năm 2020 sụt giảm mạnh. Theo báo cáo của Hiệp hội Dệt May Việt Nam (Vitas), 9 tháng đầu năm 2020, toàn ngành dệt may Việt Nam đã xuất khẩu được 25,584 tỷ USD, giảm 12% so với cùng kỳ. Thặng dư thương mại dệt may 9 tháng đạt 13,765 tỷ USD, chiếm 53% tỷ lệ giá trị gia tăng, giảm 12,11% so với cùng kỳ. Theo báo cáo của Hiệp hội Dệt May Việt Nam (Vitas), kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may dự kiến đạt 35,27 tỷ USD, giảm 3,6 tỷ USD so với năm 2019 tương đương - 9,29%.

Giải pháp:

Trong diễn biến chung của toàn ngành dệt may, Công ty đã hạn chế bằng cách thường xuyên theo dõi, cập nhật và nắm bắt tình hình dự báo biến động nền kinh tế thế giới để có thể kịp thời ứng phó rủi ro này và hạn chế rủi ro một cách hiệu quả nhất. Ngoài ra, Công ty luôn nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất, tổ chức lập kế hoạch sản xuất phù hợp với tình hình thực tế, đầu tư máy móc thiết bị để gia tăng năng lực cạnh tranh.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động dưới dạng công ty cổ phần, được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và các Quy định liên quan khác. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào trong luật đều có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Hiện tại một số luật, chính sách, chế tài đang được đổi mới, những điều luật này yêu cầu Công ty cần phải chuẩn bị kỹ lưỡng để đáp ứng những yêu cầu về luật pháp, chính sách của Nhà nước.

Giải pháp:

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty đã không ngừng tìm hiểu, theo dõi những điều chỉnh trong hệ thống pháp luật và bám sát theo chính sách mới của Nhà nước vừa đảm bảo cho hoạt động của Công ty diễn ra suôn sẻ, đúng pháp luật. Đối với mỗi văn bản liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh được sửa đổi, Công ty đều nghiên cứu kỹ lưỡng, thực hiện rà soát quy trình hoạt động nhằm đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất.





QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO NGUỒN NHÂN SỰ

Ngành dệt may là một trong những ngành thâm dụng lao động cao dẫn đến các chi phí về nhân công luôn là bài toán cần cân nhắc đối với các doanh nghiệp trong ngành. Năm 2020 vừa qua với không ít biến động do dịch COVID-19 mang lại. Một trong những khó khăn đó là vấn đề về nguồn nhân sự vì nhiều doanh nghiệp lớn trong ngành chỉ ký được các đơn hàng số lượng nhỏ thay vì số lượng lớn như những năm trước nên sẽ không tránh khỏi tình trạng cắt giảm nguồn nhân sự nhưng vẫn phải đảm bảo việc hoàn tất các đơn hàng đúng hạn. Điều này khiến không ít doanh nghiệp phải đưa các kế hoạch logic để vừa có thể kịp giao hàng đúng tiến độ vừa phải có chính sách cắt giảm nhân sự hợp lý cũng như chế độ ưu đãi đối với các nhân viên làm lâu năm.

Giải pháp:

Để hạn chế rủi ro này, Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi không ngừng áp dụng các giải pháp để phù hợp với thực trạng Công ty. Cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức, lập kế hoạch đào tạo thao tác chuẩn, đào tạo nâng cao và đào tạo kèm cặp đối với công nhân yếu và công nhân mới. Đồng thời, Công ty đã nỗ lực xây dựng và duy trì chính sách lương, thưởng linh hoạt để đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.



RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Dệt may là một trong những ngành bị tác động trực tiếp và khá nặng nề bởi dịch COVID-19. Không chỉ lượng cầu hàng may mặc giảm mà hoạt động sản xuất cũng bị gián đoạn do phụ thuộc đầu vào nguyên phụ liệu nhập khẩu. Hiện tại các sản phẩm dệt may Việt Nam vẫn đang phụ thuộc khoảng 60-70% vào nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc. Vải nhập từ Hàn Quốc chỉ chiếm 15% tổng nhu cầu vải. Theo đó, vải Trung Quốc có giá rẻ hơn từ 10-40% so với vải sản xuất trong nước tùy chủng loại. Đứng trước nguy cơ bị thiếu hụt nguyên vật liệu do tắc nghẽn nguồn cung từ Trung Quốc. Mặc dù ngoài Trung Quốc hiện vẫn còn nhiều nguồn cung nguyên phụ liệu khác cho ngành dệt may như Ấn Độ, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Thái Lan,... nhưng thực tế mỗi nước cũng chỉ mạnh về một chủng loại chứ không tổng hợp được như thị trường Trung Quốc. Không những vậy, giá cũng là một lợi thế lớn của hàng Trung Quốc và việc nhập hàng từ Trung Quốc còn có lợi thế địa lý giúp giảm thời gian và chi phí vận chuyển.

Giải pháp:

Để giảm thiểu rủi ro từ nguyên vật liệu, Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi luôn chủ động tìm kiếm nguồn cung nguyên phụ liệu khác nhau. Tránh tình trạng phải phụ thuộc vào nguồn cung duy nhất sẽ rất rủi ro đồng thời công ty nên cân nhắc giữa nguồn nguyên phụ liệu giá rẻ và việc giảm thuế mà các Hiệp định thương mại tự do mang lại nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn với chi phí tối thiểu.





RỦI RO LÃI SUẤT

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục giữ lãi suất điều hành ở mức thấp, thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp, vào ngày 30/09/2020, Ngân hàng nhà nước tiếp tục hạ lãi suất điều hành giảm 0,5%/năm, cụ thể lãi suất tái cấp vốn giảm từ 4,5% xuống còn 4%, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 3% còn 2,5%. Ngân hàng nhà nước cũng hạ lãi suất tối đa với tiền gửi bằng đồng Việt Nam, giảm 0,25%/năm. Động thái này của Ngân hàng nhà nước hoàn toàn phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện tại, giúp thúc đẩy khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp trong ngắn hạn.

Giải pháp:

Mặc dù hiện tại rủi ro về lãi suất không đáng lo ngại nhưng Công ty vẫn không chủ quan mà luôn theo dõi đưa ra các kế hoạch cũng như giải pháp để phòng trường hợp lãi suất biến động một cách bất ngờ.

RỦI RO TỶ GIÁ

Nhìn chung tỷ giá VND/USD trong năm 2020 có phần ổn định hơn so với 2019 và sức ép tăng tỷ giá cũng được giảm nhẹ nhờ sự hỗ trợ “ vô tình ” của Fed và các chính sách hạn chế biến động tỷ giá của Ngân hàng nhà nước. Mặt khác, với nguyên vật liệu được nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc thì tỷ giá cũng là vấn đề được đặt ra của Công ty Cổ phần Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, do đó biến động đồng NDT có tác động lớn đến triển vọng xuất nhập khẩu Việt Nam. Các chuyên gia dự báo đồng NDT có thể tăng thêm 2,0-3,0% so với đồng USD trong năm 2021, trong khi đồng VND cũng mạnh lên nhưng tốc độ chậm hơn. Do đó khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam với hàng hóa xuất khẩu Trung Quốc vẫn có thể được duy trì.

Giải pháp:

Cũng vì vậy Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi không bị ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của công ty bởi hoạt động giao thương xuất khẩu hàng hóa tập trung ở Mỹ, Trung Quốc... và một số quốc gia khác. Tuy nhiên tổ chức đã có những bước cơ bản để có biện pháp ứng phó kịp thời khi thị trường có những diễn biến bất lợi cho doanh nghiệp.

RỦI RO KHÁC

Biến đổi khí hậu cũng như những thiên tai khu vực và những rủi ro như chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh cũng là một rủi ro cho công ty. Những rủi ro bất khả kháng này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng lại gây ra thiệt hại rất lớn về nhân sự cũng như tài sản Công ty.

Giải pháp:

Ban lãnh đạo luôn cập nhật tin tức, tình hình thời tiết, chính trị xã hội để giảm thiểu tổn thất kết hợp mua bảo hiểm đầy đủ, thực hiện các biện pháp phòng cháy để hạn chế tối đa về thiệt hại.



Phần 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% năm 2020 / năm 2019
1	Doanh thu thuần	278.045	266.345	-4,21%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	3.405	-787	-123,11%
3	Lợi nhuận khác	1.305	917	-29,73%
4	Lợi nhuận trước thuế	4.710	130	-97,24%
5	Lợi nhuận sau thuế	3.715	-82	-102,20%

Năm 2020, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt được là 266.345 triệu đồng, giảm 4,21% và lợi nhuận trước thuế đạt 130 triệu đồng, giảm 97,24% so với cùng kỳ năm 2019. Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của Đại dịch COVID-19 đã tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt lệnh thực hiện cách ly xã hội vào đầu năm, công nhân Công ty phải nghỉ việc, ảnh hưởng đến năng suất lao động toàn Công ty, giao thương quốc tế bị hạn chế, nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm xuất khẩu của Công ty chủ yếu là nguyên liệu nhập khẩu cũng bị ảnh hưởng trong quá trình sản xuất. Theo đó, doanh thu và lợi nhuận trong năm bị sụt giảm.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
1	Doanh thu bán thành phẩm	247.426	241.066	88,99%	90,51%
2	Doanh thu bán hàng hóa	1.557	3.718	0,56%	1,40%
3	Doanh thu gia công	28.895	21.416	10,39%	8,04%
4	Doanh thu khác	167	145	0,06%	0,05%

Về cơ cấu doanh thu, nguồn thu của Công ty năm 2020 phần lớn đến từ bán thành phẩm (chủ yếu là quần áo bảo hộ lao động, quần áo thời trang) đạt 241.006 triệu đồng, chiếm 98% tổng doanh thu, không có sự chuyển dịch đáng kể so với năm 2019. Ba nguồn thu còn lại của doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác nhìn chung không có sự thay đổi quá lớn trong năm và chiếm lần lượt 1,40%, 8,04% và 0,05% tổng doanh thu.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT	Bộ nhiệm 25/06/2020
2	Ông Vũ Công Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm 25/06/2020
3	Ông Chu Quang Thắng	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm 25/06/2020
II BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Ông Vũ Công Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 16/09/2019
2	Bà Nguyễn Nữ Uyên Thoa		Bổ nhiệm 16/11/2020
3	Nguyễn Thị Thanh Nga	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm 26/11/2012
III BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
2	Bùi Thị Minh Nga	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
3	Trần Thị Minh Hiền	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Trần Thị Mỹ	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm 26/05/2017 Miễn nhiệm 25/06/2020
2	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm 25/06/2020
3	Bà Phạm Thị Kim Luyến	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 Miễn nhiệm ngày 25/06/2020
4	Bà Trần Thị Minh Hiền	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 25/06/2020
5	Ông Chu Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 01/01/2019 Miễn nhiệm 16/11/2020
6	Bà Nguyễn Nữ Uyên Thoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 16/11/2020

Giới thiệu về Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Ông NGUYỄN QUYẾT THẮNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh : 16/04/1969

Quê quán : Trục Ninh, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 40/18 Lê Đức Thọ, Phường 7,

Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Năm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần

28 Đà Nẵng; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV

Tổng Công ty 28.

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
04/2007 – 03/2012	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp – Công ty CP 28 Hưng Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
04/2012 – 07/2016	Tổng Giám đốc Công ty CP Bình Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
08/2016 – 12/2016	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
01/2017 – 07/2016	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
08/2017 – 12/2017	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
01/2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28; Tổng Giám đốc Công ty CP 28 Đà Nẵng – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28; Chủ tịch HĐQT Công ty CP 28 Quảng Ngãi



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ông VŨ CÔNG VINH

**Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng giám đốc**

Năm sinh: : 26/09/1978
Quê quán : Sơn Tịnh – Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú : 79 Võ Tùng, Phường Trần Hưng Đạo,
Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Năm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
10/2003 – 10/2006	Nhân viên Phòng kế hoạch – Chi nhánh Công ty 28 tại Quảng Ngãi
11/2006 – 07/2010	Phó trưởng phòng Kế hoạch – Công ty CP 28 Quảng Ngãi
08/2010 – 10/2011	Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty CP 28 Quảng Ngãi
11/2011 – 09/2019	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP 28 Quảng Ngãi; Thành viên HĐQT – Công ty CP 28 Quảng Ngãi
09/2019 – nay	Tổng Giám đốc – Công ty CP 28 Quảng Ngãi; Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP 28 Quảng Ngãi

Ông CHU QUANG THẮNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh : 30/05/1974
Quê quán : Ứng Hòa – Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 782/11 Phạm Văn Bạch, Phường
12, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Năm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
2004 – 2010	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp – Công ty CP 28 Hưng Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
2011 – 02/2013	Tổng Giám đốc Công ty CP Bình Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
03/2013 – 03/2019	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
04/2019 – 10/2019	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
10/2019 – nay	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Bà NGUYỄN NỮ UYÊN THOÀ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 28/05/1980
 Quê quán : P. Nghĩa Lộ, TP. Quảng Ngãi T. Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú: 600 Nguyễn Công Phương P.Nghĩa
 Lộ TP.Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi.
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Năm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
11/2004-6/2009	Nhân viên P.Kỹ Thuật, Cty TNHH MTV 28.1
7/2009-01/2011	Nhân viên phòng Chính Trị, Tổng Công ty 28
02/2011-6/2013	Phó phòng KH, Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi
7/2013-10/2017	Trưởng phòng KHKD, Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi
11/2017-7/2019	Trưởng phòng Lean, Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi
8/2019-11/2020	Phó quản đốc PXC, Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi
12/2020-4/2021	Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi

Bà NGUYỄN THỊ THANH NGA

Kế toán trưởng

Năm sinh : 02/01/1978
 Quê quán : Xã Nghĩa Mỹ, Huyện Tư Nghĩa,
 Tỉnh Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Chánh Lộ,
 Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
 Năm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác

Năm	Quá trình công tác
12/2003 – 12/2006	Nhân viên Phòng Kế toán Chi nhánh Quảng Ngãi – Tổng Công ty 28
01/2007 – 08/2011	Nhân viên Phòng Kế toán – Công ty CP 28 Quảng Ngãi
09/2011 – nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán – Kế toán trưởng – Công ty CP 28 Quảng Ngãi

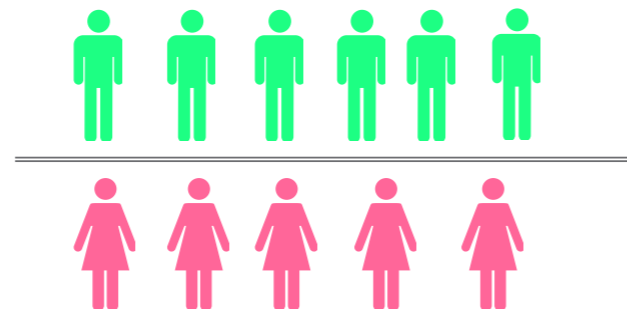


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ(%)
I Theo trình độ			
1	Trên đại học	4	0,59%
2	Đại học	29	4,27%
3	Cao đẳng	30	4,42%
4	Trung cấp	68	10,02%
5	CNKT	539	79,49%
6	Khác	8	1,18%
II Theo tính chất hợp đồng lao động			
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	87	12,83%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	590	87,02%
3	Hợp đồng theo thời vụ	1	0,14%
III Theo giới tính			
1	Nam	145	21,38%
2	Nữ	533	78,61%

Tỷ lệ theo giới tính lao động



Thu nhập bình quân

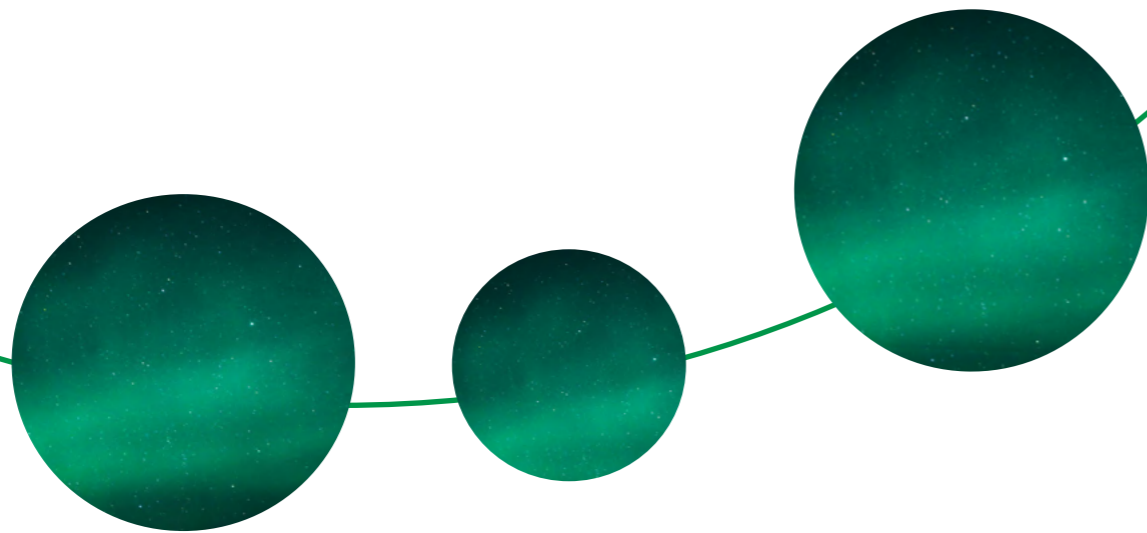
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân người lao động (đồng/người/tháng)	6.424.536	6.834.313	7.580.944	7.315.619





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự



Về đào tạo

Duy trì tốt các công tác đào tạo, quản lý, tổ chức nhiều khóa học cho người lao động. Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo cho người lao động về chuyên môn nhằm nâng cao tay nghề công nhân để tăng năng suất lao động. Đối với những công nhân chưa có tay nghề. Công ty thành lập bộ phận đào tạo để dạy may. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các casb bộ- công nhân viên Công ty.

Về chính sách phúc lợi

Công ty luôn thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần nhân viên và tăng mức độ hài lòng của người lao động. Các chính sách đãi ngộ lao động luôn được áp dụng một cách tốt nhất để người lao động an tâm gắn bó lâu dài. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đều được thực hiện một cách đầy đủ.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Môi trường công việc

Công ty tạo môi trường làm việc nghiêm túc, kỷ luật nhưng vẫn luôn thoải mái để gắn kết mọi người lại với nhau và luôn sẵn sàng góp ý cũng như lắng nghe ý kiến của mọi người.



Về lương, thưởng

Ngay từ quy trình tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động đã được Công ty thực hiện rất nghiêm túc. Bên cạnh đó, mỗi năm Công ty tổ chức đào tạo thi nâng bậc kỹ thuật cho người lao động và xem xét nâng lương. Đây là chính sách giúp người lao động có điều kiện rèn luyện, nâng cao tay nghề và cải thiện thu nhập tương xứng với kỹ năng và trình độ. Ngoài ra, người lao động được thanh toán lương theo quy chế của Công ty, căn cứ trên thang bảng lương do Nhà nước quy định, căn cứ trên đơn giá sản phẩm và mức độ hoàn thành công việc nhằm đảm bảo thu nhập và động viên, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất. Ngoài ra, người lao động cũng nhận được các khoản phụ cấp, thưởng vượt năng suất, chất lượng sản phẩm, thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng, thưởng lễ tết, thưởng phong trào thi đua quyết thắng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THIẾT BỊ DỰ ÁN

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo tất cả sản phẩm đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được tiến độ giao hàng.
- Lập kế hoạch thay thế dần phụ tùng máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Đảm bảo phù hợp với mặt hàng sản xuất tại từng đơn vị, trình độ tay nghề của người lao động.
- Đầu tư trang bị máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đảm bảo năng suất phù hợp với sự thay đổi thời trang của thị trường.





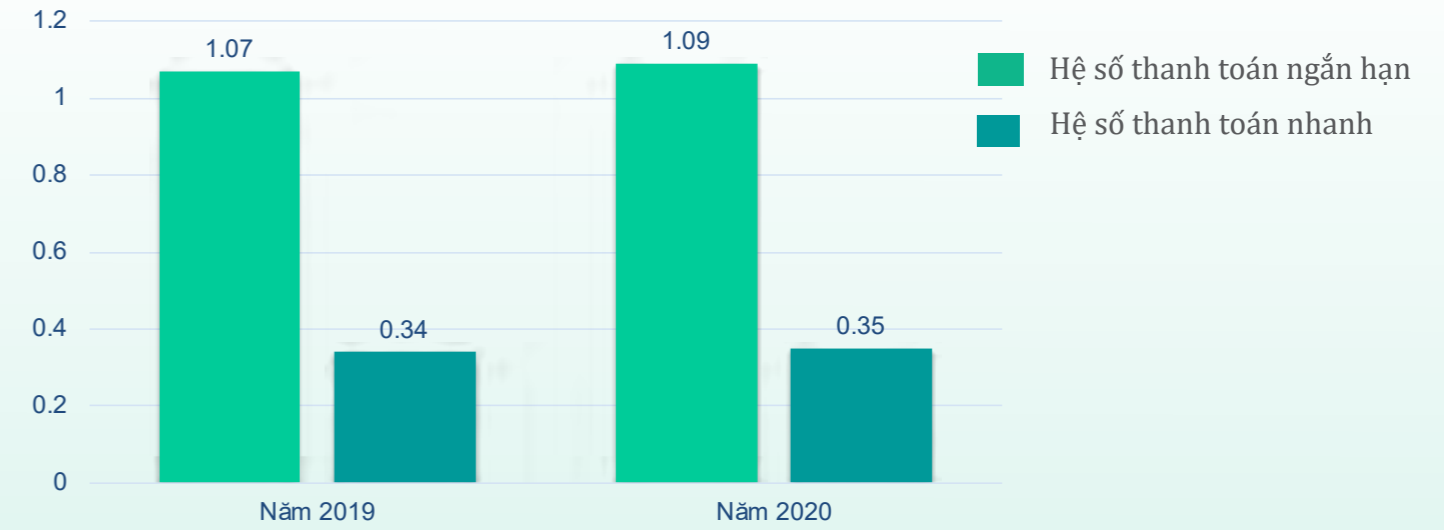
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Các chỉ tiêu			
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,09
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,34	0,35
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	75,87	72,26
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	314,34	260,45
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,92	5,62
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,39	3,38
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,34	-
Tỷ suất sinh lời trên Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,73	-
Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản (ROA)	%	4,53	-

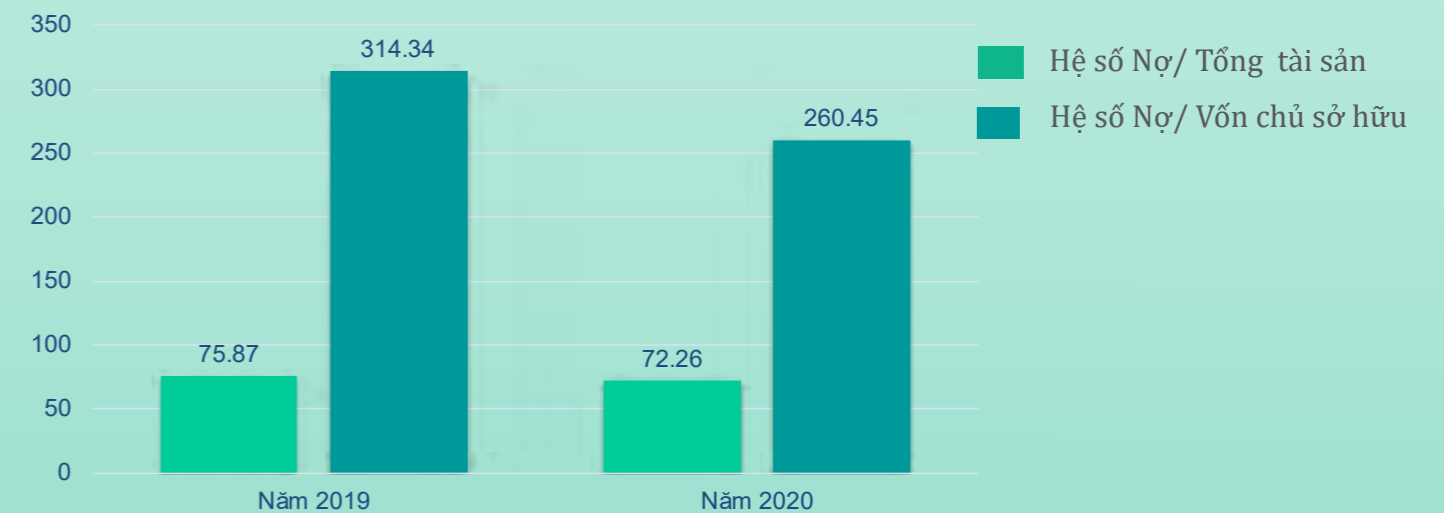
Khả năng thanh toán

Năm 2020, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều có xu hướng tăng nhẹ so với năm 2019. Cụ thể, chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn từ 1,07 lần tăng lên 1,09 lần và chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh tăng từ 0,34 lần lên 0,35 lần so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản tiền phải trả người bán giảm và trong năm Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản nợ vay.



Cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giảm so với cùng kỳ năm 2019 tuy nhiên vẫn duy trì ở mức khá cao. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm còn 72,26% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 260,45%. Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp, Công ty đã sử dụng tiền mặt để hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, đồng nguyên vật liệu nhập khẩu cũng vì thế mà trở nên khan hiếm làm cho tồn kho nguyên vật liệu giảm. Điều này dẫn đến tổng tài sản giảm 28,44% và vốn chủ sở hữu giảm 17,74% trong khi nợ ngắn hạn giảm đến 31,84% là nguyên nhân chủ yếu khiến cơ cấu vốn giảm nhẹ so với năm 2019.

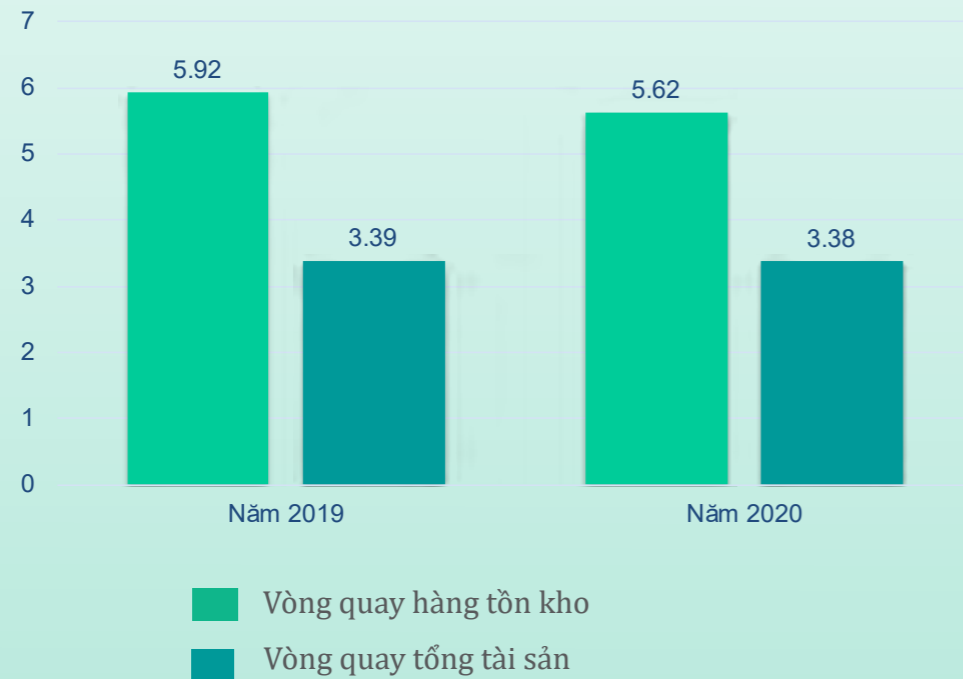




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năng lực hoạt động

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty sụt giảm so với năm 2019 khi vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,92 vòng xuống còn 5,62 vòng và vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 3,39 vòng xuống còn 3,38 vòng do hoạt động kinh doanh trong năm gặp nhiều khó khăn dưới ảnh hưởng của dịch COVID-19.



Khả năng sinh lời

Đối mặt với tình hình kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, đồng thời nhu cầu tiêu dùng của con người tập trung chủ yếu vào nhu yếu phẩm khiến cho hoạt động xuất khẩu của Công ty gặp nhiều khó khăn. Điều này làm cho lợi nhuận của Công ty giảm mạnh so với năm 2019.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.511.097 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.511.097 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	234	1.511.097	15.110.970.000	100%
1	Cổ đông nhà nước	1	1.164.747	11.647.470.000	77,08%
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
3	Cổ đông cá nhân	233	346.350	346.350.000	22,92%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-	-
	Tổng cộng	234	1.511.097	15.110.970.000	100%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- Các chứng khoán khác: không có

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Là một Doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng may mặc thì việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu động lực trong sản xuất cho từng loại sản phẩm, nghiên cứu điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để tiết giảm chi phí trong sản xuất và giúp chi phí nguyên vật liệu sản xuất theo đúng định mức.



Về các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và các quy định pháp luật về công tác bảo vệ môi trường cụ thể đã thực hiện đầy đủ các báo cáo về môi trường định kỳ theo quy định; đóng thuế tài nguyên nước và bảo vệ môi trường với lượng nước thải vừa đủ,...



Đối với người lao động

Duy trì tốt các công tác đào tạo, quản lý, tổ chức nhiều khóa học cho người lao động. Công ty luôn thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần nhân viên và tăng mức độ hài lòng của người lao động, thực hiện việc chi trả tiền lương hàng tháng cho người lao động đúng theo quy chế đã xây dựng, thời gian chi trả luôn đầy đủ, không có xảy ra khiếu nại về tiền lương, chậm và nợ lương. Ngoài ra, người lao động cũng nhận được các khoản phụ cấp, thưởng vượt năng suất, chất lượng sản phẩm, thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng, thưởng lễ tết, thưởng phong trào thi đua quyết thắng.

Đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh chính sách phúc lợi cho cán bộ công nhân viên của mình thì công tác xã hội, cộng đồng cũng được Công ty chú trọng và thực hiện tốt: Hàng năm công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể cán bộ, công nhân viên trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo; đồng bào vùng sâu vùng xa.



Phần 03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- **Trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi và khó khăn trong năm

Thuận lợi

Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên Minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư IPA có hiệu lực chính thức từ ngày 1/8/2020. Hiệp định này được coi là cột mốc quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong 5-10 năm tới, ngoài ra nó còn có ý nghĩa góp phần đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu của Việt Nam nói chung và tạo cơ hội các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với các nước trong khu vực. Tiếp nối những thành công của năm 2019, trong bối cảnh thị trường chung với rất nhiều biến động và khó khăn, tập thể Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi quyết tâm nỗ lực hết sức để hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2020 vừa qua. Với nguồn hàng và khách hàng đã được xác định trước đảm bảo cho sản xuất của toàn Công ty được liên tục và nguồn nhân lực trẻ, nhiệt tình, trách nhiệm đoàn kết thống nhất cao đối với nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, đầu tư các máy móc thiết bị chuyên dùng để góp phần tăng năng suất lao động.



Khó khăn

Năm 2020 vừa qua với không ít biến động do dịch COVID-19 mang lại, doanh nghiệp trong nước phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Không chỉ lượng cầu hàng may mặc giảm mà hoạt động sản xuất cũng bị gián đoạn do phụ thuộc đầu vào nguyên phụ liệu nhập khẩu. Mặt khác, những sản phẩm sau khi đã hoàn thành không thể xuất khẩu sang nước ngoài vì các lệnh cách ly xã hội ở nước ngoài kéo dài trong nhiều tháng. Vì tình hình dịch bệnh kéo dài trong năm, do đó các doanh nghiệp cùng ngành ngày cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm khách hàng hơn tạo nên hiện tượng “cung” vượt “cầu”. Bên cạnh đó, Khách hàng ngày càng có nhiều yêu cầu khắt khe về chất lượng mà nguồn lao động tiếp tục biến động, lao động mới còn yếu về tay nghề và chuyên môn kỹ thuật chưa đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tế, cần thời gian đào tạo, ảnh hưởng đến năng suất.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm 2020 so với 2019
Tài sản ngắn hạn	74.978	51.958	-30,70%
Tài sản dài hạn	17.012	13.875	-18,44%
Tổng tài sản	91.991	65.832	-28,44%

Năm 2020, nhìn chung tổng tài sản của Công ty giảm 28,44% so với 2019, chủ yếu ở tài sản ngắn hạn đạt 51.958 triệu đồng, giảm 30,70% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã giảm lượng tiền dự trữ cũng như tiền gửi ngân hàng để phục vụ cho quá trình phục hồi sản xuất kinh doanh để ứng phó với dịch COVID-19 trong năm.



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ giảm 2020 so với 2019
Nợ ngắn hạn	74.978	51.958	-30,70%
Nợ dài hạn	17.012	13.875	-18,44%
Tổng nợ phải trả	91.991	65.832	-28,44%

Năm 2020, tổng nợ phải trả của Công ty giảm 31,84% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty đã thực hiện thanh toán nợ vay ngắn hạn đối với Ngân hàng đồng thời các khoản phải trả người bán của Công ty giảm 43,45%.



NHỮNG CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Xây dựng kế hoạch quản trị Công ty cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại, có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Tổ chức lập kế hoạch tài chính hàng tháng; theo dõi, quản lý tình hình công nợ chặt chẽ, lập biên bản đối chiếu hàng tháng, đôn đốc, thu hồi công nợ bằng nhiều biện pháp, không để xảy ra nợ xấu, nợ khó đòi; quản lý tốt dòng tiền đảm bảo kinh phí phục vụ sản xuất kinh doanh từ đầu năm.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán.
- Tăng cường hơn nữa công tác đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt chú trọng công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập ngày càng cao của Công ty với ngành Dệt may thế giới.
- Ban Lãnh đạo đã tổ chức tham quan, học tập các đơn vị bạn, đơn vị cùng ngành áp dụng hiệu quả các nội dung vào sản xuất và quản lý một cách phù hợp.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2021

- Xây dựng chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2020 - 2025. Ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh.
- Tái cấu trúc tỷ trọng ngành hàng, tăng cường hệ thống phân phối, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với phân khúc khách hàng.
- Tập trung để quy hoạch mặt hàng cho từng phân xưởng may, bố trí theo chuyên môn hóa từng chuyên để có điều kiện tăng năng suất.
- Giữ các khách hàng truyền thống để ổn định sản xuất: Motives, Snickers, Next, Thông Bảo Hưng Nghiệp, LMH và phát triển thêm khách hàng Polaris.
- Tìm nhà máy có đủ năng lực để tổ chức gia công nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức sản xuất hàng FOB tương ứng 90% năng lực sản xuất.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch kinh doanh 2021

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	300.000
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	2.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.600
5	Tỷ lệ cổ tức	Triệu đồng	7%

Biện pháp triển khai kế hoạch

Công tác khách hàng nguồn hàng

Công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ với các khách hàng thân thiết đồng thời tìm kiếm các khách hàng mới tiềm năng để đảm bảo quá trình sản xuất được diễn ra liên tục. Thường xuyên phối hợp với khách hàng để xác nhận các đơn hàng cụ thể từng tháng và từng quý.

Luôn đảm bảo nguồn hàng sản xuất trước 3 tháng đồng thời tìm một nguồn cung nguyên vật liệu khác thay thế các nhà cung cấp Trung Quốc.

Luôn lắng nghe ý kiến của các khách hàng để cải thiện chất lượng của sản phẩm.



Công tác điều hành và quản lý sản xuất

Thường xuyên rà soát và kiểm soát thật kỹ về công tác chuẩn bị sản xuất hàng ngày, hàng tuần; tổ chức thực hiện đặt nguyên phụ liệu và kiểm soát chặt chẽ số lượng, tiến độ, đảm bảo nguyên phụ liệu đồng bộ trước ngày cắt.

Tập trung mọi nguồn lực để tổ chức sản xuất sản phẩm đúng tiến độ và sản xuất sản phẩm đạt chất lượng.

Thường xuyên theo dõi công tác quản lý chặt chẽ số lượng sản phẩm sản xuất từ khâu cắt, may, đóng gói sản phẩm, nhập kho, tính giá thành và tính lương để đảm bảo đủ số lượng giao cho khách hàng.

Tổ chức chấn chỉnh và làm tốt công tác sản xuất tinh gọn, 5S, quyết tâm loại bỏ và ngăn chặn các hao phí lãng phí, để góp phần tăng năng suất lao động.









Tổ chức đầu tư máy móc thiết bị, cải tạo sửa chữa hạ tầng cơ sở, mua sắm công cụ dụng cụ, cải thiện môi trường làm việc người lao động ngay trong quý 2/2020 và đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả của tất cả tài sản cố định, công cụ dụng cụ ngay đầu quý 3/2020.











KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Công tác quản lý

-  Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm công tác thi nâng bậc, xét nâng lương, lương bậc, chuyển ngạch, chuyển nhóm theo đúng các quy định của Nhà nước. Bảo đảm thường xuyên việc làm cho người lao động, không để phát sinh trả lương chờ việc.
-  Hàng tháng thanh toán tiền lương cho người lao động một cách kịp thời, chậm nhất là ngày 08 của tháng hoàn tất thanh toán cho người lao động.
-  Công ty quyết tâm giảm làm tăng ca đêm, giao kế hoạch để chuyển may phần đấu sản xuất trong ngày, giảm được chi phí. Việc không tăng ca đêm sẽ giảm được lao động nghỉ việc.
-  Tiếp tục đánh giá năng lực, điều động luân chuyển, thay đổi cán bộ quản lý từ tổ sản xuất đến phòng ban, phân xưởng; tạo động lực cho sự đổi mới và phát triển trước những cơ hội và thách thức trong tương lai để cùng phần đấu thực hiện đạt được mục tiêu.
-  Huấn luyện, đào tạo đội ngũ quản lý và nhân viên làm công tác nghiệp vụ kỹ thuật, tổ chức tham quan học hỏi để thay đổi tư duy, cách làm.
-  Tổ chức lập kế hoạch đào tạo kèm cặp thường xuyên hàng tháng, đối với một số người lao động yếu, người lao động mới.
-  Tiếp tục đào tạo kiến thức về hệ thống quản lý và mô hình sản xuất tinh gọn đến toàn thể CB-CNV có liên quan.
-  Hàng năm xây dựng và thực hiện đúng quy định về chế độ nâng bậc, nâng lương sớm đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Công ty.



Công tác lương, tuyển dụng, đào tạo

-  Ban TGD, chỉ huy các Phòng thường xuyên kiểm tra, duy trì và thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định và các nhiệm vụ hàng ngày trong Công ty.
-  Quản lý chặt nguyên phụ liệu từ khâu định mức, đặt hàng, quản lý nguyên phụ liệu trong quá trình cắt, sản xuất, tránh đặt thừa, đặt thiếu dẫn đến tồn kho, gây lãng phí, gây thất thoát.
-  Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, duy trì mức dự trữ cho phép, tránh để hàng tồn lâu ngày mất phẩm chất, vốn tồn đọng.
-  Thường xuyên tổ chức thanh lý máy móc thiết bị, hàng tồn kho không có nhu cầu sử dụng, để thu hồi vốn, tăng hiệu quả cho công ty 1 lần/quý.
-  Thường xuyên theo dõi, quản lý tình hình công nợ, tổ chức đối chiếu, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ quá hạn, kiểm soát dòng tiền phục vụ tốt công tác quản lý, SXKD và đảm bảo kinh phí SXKD.
-  Thường xuyên đàm phán và đánh giá lựa chọn các nhà cung cấp có giá cạnh tranh nhất.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Công tác về môi trường làm việc

- 🎯 Tăng cường công tác giám sát, bảo vệ an ninh, an toàn.
- 🎯 Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên.
- 🎯 Xây dựng môi trường làm việc, môi trường văn hoá tạo cho người lao động sự gắn bó, đoàn kết.
- 🎯 Xây dựng môi trường xung quanh xanh sạch đẹp, đảm bảo mỹ quan nhà xưởng. Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống làm mát, đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát đáp ứng yêu cầu vệ sinh công nghiệp, khí thải, tiếng ồn, an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy.
- 🎯 Tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng hoạt động, tăng cường giao lưu văn nghệ, thể thao với các doanh nghiệp may Miền Trung.
- 🎯 Chăm lo sức khỏe, khám điều trị kịp thời cho người lao động, thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.
- 🎯 Tìm kiếm loại nhiên liệu, chất đốt khác có tiết kiệm hơn, không gây ô nhiễm và bền vững hơn việc dùng củi đốt lò hơi hiện nay.





TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trách nhiệm về môi trường

Nhận thức thấu đáo vai trò và tính cấp thiết của việc bảo vệ môi trường, Công ty nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tuân thủ các quy định về môi trường, khai thác tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo nhằm giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường thiên nhiên.

Đối với tiêu thụ nước: Hiện nay, các xí nghiệp, nhà máy được mọc lên nhiều hơn đồng nghĩa với việc các chất thải ra môi trường cũng nhiều hơn. Tại các thành phố lớn, lượng nước thải chưa qua xử lý của hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nguồn nước. Ở khu vực nông thôn, tình trạng ô nhiễm nguồn nước cũng không ngừng gia tăng. Bên cạnh đó, việc lạm dụng các chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp dẫn đến các nguồn nước ở sông, hồ, kênh, mương bị ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường và sức khỏe của con người. Để góp phần giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ công nhân viên chức sử dụng tiết kiệm nước.



Trách nhiệm về người lao động

Thấu hiểu ý nghĩa của giá trị lao động, trân trọng sự gắn kết và đồng hành của nhân viên, Công ty đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn lao động, chính sách phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên, bảo đảm mức thu nhập ổn định nhằm giúp cán bộ nhân viên an tâm trong công tác. Ngoài ra, Công ty luôn phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn cho những người lao động ốm đau, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời, chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bằng hiện vật, tổ chức các hoạt động ngoài trời để tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Cộng đồng địa phương là mối quan tâm to lớn và trách nhiệm cao cả mà Công ty luôn khát khao thực hiện thông qua những sản phẩm chất lượng, những hoạt động ý nghĩa và những đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

Phần 04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

➤ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Đối

diện với những thách

thức chưa từng có do đại dịch Covid-19 mang lại và tình hình mưa lũ ở các tỉnh miền trung diễn biến hết sức phức tạp. Năm 2020, một năm trong 10 năm qua nước ta lại bị thiệt hại lớn về người và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người dân. Vì thế, dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp thiếu hụt đơn hàng ngay từ đầu năm, thậm chí, chỉ nhận đơn hàng theo từng tháng, từng tuần. Nhận biết được điều này, Công ty đã luôn cố gắng đưa ra các kế hoạch sản xuất bằng cách xác định nguồn hàng từ các khách hàng, ổn định sản xuất trong năm. Cùng với tình hình khó khăn về nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu nhưng công ty không ngừng tìm kiếm các nguồn hàng thay thế.



Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện:

Doanh thu thuần: 266.345 triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế: 130 triệu đồng



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về công tác quản lý

Một doanh nghiệp được xem là hoạt động có hiệu quả không chỉ có một bộ máy quản lý tốt mà còn cần phải có một đội ngũ nhân viên đoàn kết thống nhất với nhau. Nhận thấy được điều này, công ty đã có một số kế hoạch để thực hiện công tác quản lý, cụ thể là:

- Duy trì các phiên họp định kỳ, HĐQT sẽ nghe báo cáo tổng quát về việc thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của công ty, thảo luận và quyết định thông qua các biện pháp, giải quyết các vấn đề phát sinh của công ty.
- Tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu có) để giúp các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các Nghị quyết, quyết định, trực tiếp tại các phiên họp, hoặc bằng hình thức trao đổi ý kiến sau khi đã nghiên cứu kỹ tài liệu, hồ sơ của công ty.

Về thị trường

Thấu hiểu ý nghĩa của giá trị lao động, trân trọng sự gắn kết và đồng hành của nhân viên, Công ty đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về sức khỏe, an toàn lao động, chính sách phúc lợi dành cho cán bộ công nhân viên, bảo đảm mức thu nhập ổn định nhằm giúp cán bộ công nhân viên an tâm trong công tác. Cụ thể, Công ty có các kế hoạch:

- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng sản xuất trực tiếp.
- Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực cho phù hợp với quy mô công ty cả về số lượng và chất lượng.
- Xây dựng và duy trì chính sách lương, thưởng... linh hoạt để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho người lao động, từ đó làm cơ sở cho việc tuyển dụng lao động mới thay thế dần những lao động sản xuất đã lớn tuổi.

Về lao động

Với mong muốn đem lại giá trị cao nhất cho cổ đông và tạo nguồn lực để phát triển bền vững, Công ty luôn chú trọng mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh tế thông qua việc củng cố, phát huy nội lực và không ngừng đổi mới, sáng tạo trong mọi hoạt động. Cụ thể, Công ty có các định hướng:

- Giữ ổn định khách hàng truyền thống với các sản phẩm chất lượng cao phù hợp công nghệ sản xuất của Công ty.
- Tích cực tìm kiếm các khách hàng tiềm năng đồng thời đa dạng hóa các loại sản phẩm.
- Chú trọng công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường nhằm tận dụng cơ hội và hạn chế rủi ro.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất hiện đại và tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao; Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh.
- Duy trì chương trình kiểm soát và giảm chi phí, tăng năng suất lao động.
- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của Công ty; tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các đơn vị, khách hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh, coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty.
- Chú trọng công tác đảm bảo chất lượng, thường xuyên kiểm tra giám sát chặt chẽ từng công đoạn trong quá trình sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm không bị lỗi. Đồng thời thúc đẩy nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm để ứng phó trước sự cạnh tranh trong ngành dệt may hiện nay. Nâng cao công tác quản trị khâu quản lý sản xuất, thường xuyên cán bộ quản lý tham dự các lớp đào tạo dài ngày, ngắn ngày để nâng cao công tác quản trị.



Phần 05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT	Bộ nhiệm 25/06/2020
2	Ông Vũ Công Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT	Bộ nhiệm 25/06/2020
3	Ông Chu Quang Thắng	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm 25/06/2020

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT	5	100%
2	Vũ Công Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT	5	100%
3	Chu Quang Thắng	Ủy viên HĐQT	5	100%

Các Nghị quyết, Quyết định trong năm của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	40/BB-CTCP	06/03/2020	<p>- Tiếp tục tìm kiếm nguồn hàng và theo dõi đồng bộ NPL sản xuất tháng 4 và những tháng tiếp theo, theo dõi tình hình dịch bệnh Covid 19 để có hướng, linh động trong bố trí sản xuất.</p> <p>- Đồng ý về chủ trương cho đầu tư MMTB, CCDC ước khoản 4,6 tỷ theo kế hoạch năm, giao TGD báo cáo cụ thể số liệu trình Chủ tịch HĐQT và Chủ tịch TCTy duyệt để đầu tư có hiệu quả.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	40/BB-CTCP	06/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch tạm giao cho TGD ký các hợp đồng nguyên tắc giá trị lớn hơn 35% giá trị tài sản đến khi trình Đại hội cổ đông thông qua. - Đồng ý nâng tỷ lệ trích quỹ KTPL từ 20% lên 30%. - Thống nhất ngày ĐH cổ đông thường niên năm 2019 (dự kiến ngày 10/4/2020) - Làm công văn gửi UBND, Sở tài nguyên môi trường Tỉnh Quảng Ngãi, đề nghị cấp lại sổ đỏ (Tháng 7/2020 hết hạn sổ đỏ) - Tỷ lệ chia cổ tức năm 2019 là 12% hướng và xây dựng chiến lược giai đoạn năm 2020 - 2025. - Thống nhất giới thiệu và bầu HĐQT gồm Ông Nguyễn Quyết Thắng; Vũ Công Vinh; Chu Quang Thắng và Ban kiểm soát gồm Ông Nguyễn Hữu Phước; Bà Bùi Thị Minh Nga, Trần Thị Minh Hiền nhiệm kỳ 2020-2025;
2	111A/BB-CTCP	27/04/2020	<p>Báo cáo tình hình sản xuất Q1/2020, tháng 4, Quý 2 /2020.</p> <p>Báo cáo số liệu tồn kho các khách hàng Motives, Snickers... nợ phải thu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình quỹ lương, phương án lương năm 2020, do tình hình khó khăn do dịch Covid 19, nguồn hàng khó khăn, nhỏ lẻ, năng suất thấp, nên tạm trích 1 tháng lương tết. Nếu tình hình Q3/2020 tốt lên sẽ điều chỉnh trích theo phương án đã duyệt. - Thống nhất thanh lý MMB & CCDC cũ, hư hỏng không có nhu cầu sử dụng. Thống nhất ngày ĐH cổ đông ngày 25/5, tổ chức tại Hội trường Công ty.



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>Thống nhất ngày Đại hội Đảng bộ Công ty CP 28 Quảng Ngãi là 14/5 tổ chức tại đơn vị và Đồng ý nhân sự đảng ủy bầu, NK mới 2020- 2025 gồm Đ/c Vinh, Thắng, Bảo, Đại, Nam, Lục.</p> <p>- Định hướng và xây dựng chiến lược giai đoạn năm 2020 - 2025 đã xây dựng xong, gửi cho a Điền P.KHTH Tcty xem qua, kèm file cứng và mềm để góp ý thêm, ra văn bản trình Chủ tịch phê duyệt.</p>
2	111A/BB-CTCP	27/04/2020	<p>- Giao TGD tiếp tục theo dõi và làm việc với lãnh đạo địa phương về tình hình vị trí đất đang đóng quân, xin UBND Tỉnh Quảng Ngãi cấp lại sổ đỏ.</p> <p>- Đồng ý sắp xếp lại sản xuất, rà soát lại mô hình tổ chức định biên từng phòng ban, mô tả công việc để giảm, đưa ra tiêu chí mỗi phòng giảm định biên 20%/ tổng QS, giao BTGD thành lập ban chi đạo, tổ xây dựng, lập phương án chi tiết, mô hình trình Chủ tịch phê duyệt trước khi thực hiện.</p>
3	137A/BB-CTCP	19/05/2020	<p>- Giao đ/c Vinh TGD làm việc với khách hàng Motives đề nghị kéo dài thời hạn thanh toán là sáu mươi ngày (60) hoặc tối đa là 75 ngày và thống nhất nâng hạn handling charge từ 6% lên 8% đối với dòng hàng Express và bốn lăm ngày (45) đối với nhãn hàng khác kể từ ngày số lượng sản phẩm thực giao. Tất cả áp dụng từ ngày 1/7/2020, cho đến khi có thỏa thuận thanh toán mới thay thế.</p> <p>- Làm thủ tục báo cáo Đại hội cổ đông thông qua tờ trình nâng hạn mức tín dụng ngân hàng MB Quảng Ngãi cấp là từ 60 lên 65.000.000.000 đồng (sáu lăm mươi tỉ đồng).</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>- Làm Tờ trình thông qua Đại hội cổ đông thường niên, sau Đại hội căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh sẽ điều chỉnh các chi tiêu kế hoạch năm 2020 vào tháng 10/2020.</p> <p>- Đồng ý xây dựng lại mô hình điều chỉnh mô hình tổ chức, sáp nhập 2 phân xưởng may, sắp xếp lại định biên các phòng, phân xưởng, giao cho đ/c TGD hoàn chỉnh PA báo cáo HĐQT trong kỳ họp đến để thống nhất, trình Chủ tịch Tổng Công ty 28 phê duyệt, áp dụng vào đầu tháng 7/2020.</p>
3	137A/BB-CTCP	19/05/2020	<p>- Trong những thời điểm thiếu hàng đồng ý nhận khẩu trang về sản xuất, chú ý các điều khoản thanh toán phải thật chặt chẽ, thanh toán trước khi giao hàng hoặc sau 15 ngày kể từ khi giao hàng thành phẩm.</p> <p>- Đồng ý tuyển dụng anh Từ Phi Long vào thử việc vị trí phó phòng kế hoạch, bắt đầu từ ngày 22/5/2020, sau khi thử việc đánh giá kết quả đạt yêu cầu thì thông qua Đảng ủy và báo cáo Hội đồng quản trị làm quy trình bổ nhiệm.</p>
4	300A/BB-CTCP	28/09/2020	<p>1. Số liệu năm 2020: doanh thu là 250 tỷ, GCCB là 80 tỷ, lợi nhuận 500 triệu, còn lại ít nhất là phải trích được 0,5 tháng lương Q4/ 2020. Như vậy năm 2020 vậy chi được 1,5 tháng lương tết, thu nhập BQ của năm 2020 ít nhất là trên 7 triệu.</p> <p>2. Kế hoạch 2021:</p> <p>- Xây dựng theo kế hoạch HD 714 của TCT 28</p> <p>- Phải xem xét và cắt giảm chi phí.</p>



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>1. Số liệu năm 2020: doanh thu là 250 tỷ, GCCB là 80 tỷ, lợi nhuận 500 triệu, còn lại ít nhất là phải trích được 0,5 tháng lương Q4/ 2020. Như vậy năm 2020 vậy chi được 1,5 tháng lương tết, thu nhập BQ của năm 2020 ít nhất là trên 7 triệu.</p> <p>2. Kế hoạch 2021:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng theo kế hoạch HD 714 của TCT 28 - Phải xem xét và cắt giảm chi phí. - Tiếp tục sắp xếp lại mô hình tổ chức và bộ máy gián tiếp tương ứng với tỉ lệ số công nhân nghỉ theo thực tế. - Chấn chỉnh được công tác quản lý, tổ chức sản xuất. - Cố gắng giữ được ổn định lao động như năm 2020.
4	300A/BB-CTCP	28/09/2020	<p>3. Đất của công ty CP 28QN: phải tiếp tục làm việc với UBND tỉnh Quảng Ngãi, tiếp tục làm văn bản, vì Cục tác chiến đã cố văn bản là tiếp tục giữ đất của 28QN để làm đất quốc phòng để gia hạn.</p> <p>4. Về công tác sản xuất và điều hành Q4/2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với TNSX tháng 10: phải xác định từng NS và vướng mắc từng mã để có giải pháp từng mã, từng đơn vị để xác định GTGCCB, trên TNSX xây dựng NS đạt được bao nhiêu, không được để xây dựng TNSX là 7,4 tỷ mà thực hiện chỉ có 6,5 tỷ là không được. - Đối với chất lượng: phải ngăn chặn từng mã, không để Domino kéo dài.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh: hàng dơ bẩn, hàng thành phẩm ra đến đầu phải che đậy ngay để thành phẩm không thể vệ sinh nổi được. - GT-GCCB: ít nhất 7 tỷ/tháng 10, nguồn hàng thiếu tháng 12 TCT sẽ xem xét thêm cho hàng QP K20 thêm cho cty CP 28QN. - Tập trung vào công tác điều hành của Cty.
4	300A/BB-CTCP	28/09/2020	<p>5. Công tác nhân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc PP QĐ PX2, điều động về Phòng kỹ thuật, nhân viên may mẫu, hướng dẫn chuyên, bắt đầu từ ngày 01/10/2020. - Tạm giao nhiệm vụ cho Bà Phạm Thị Nguyên NV may mẫu Phòng kỹ thuật nhận nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật cho PX2 từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/03/2020.
			<p>6. Về nhân sự: nhất trí đề nghị đ/c Nguyễn Nữ Uyên Thoa P.TGD thay cho đ/c Chu Quang Thắng chuyển về Tổng công ty và giao cho TGD hoàn chỉnh thủ tục đề xuất.</p> <p>7. Đồng ý đề xuất cử người hỗ trợ đào tạo: quản trị sự thay đổi & sắp xếp chuyên sx vào cuối tháng 11/2020.</p>
5	340A/BB-CTCP	17/11/2020	<p>8. Số liệu 2020: doanh thu 270 tỷ, GCCB 80 tỷ, lợi nhuận không được lỗ, thưởng tết tối thiểu 0,7 tháng lương.</p> <p>9. Trích quỹ tiền lương: đồng ý không trích tiền thưởng tết trong Q4/2020 để tăng thu nhập cho NLĐ.</p> <p>10. Cty tổng hợp MMTB, NPL tồn kho không có nhu cầu sử dụng trình Chủ tịch phê duyệt.</p>



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	340A/BB-CTCP	17/11/2020	<p>11. Đồng ý cho sửa chữa, vôi ve, gia cố các vị trí trọng yếu như mái tole, cửa... có nguy cơ hư hỏng, xuống cấp sau bão số 9, trị giá khoảng 170 triệu đồng.</p> <p>12. Đồng ý cho cải tạo, xúc đường ống lò hơi, trị giá khoản 70 triệu đồng.</p> <p>13. Đồng ý dự kiến các chỉ tiêu XDKH 2021 (GTGCCB; 99,2 tỷ, trong xưởng 89,3 tỷ, gia công ngoài 9,8 tỷ; DT293 tỷ; LN 1,1 tỷ, TNBQ 7,7 triệu đồng/người/tháng, QS 680 người).</p> <p>14. Công tác đầu tư năm 2021: Sau khi bảo vệ KHSX KD 2021 xong, triển khai ngay các thủ tục đầu tư.</p> <p>15. Triển khai ngay rà soát sx mô hình tổ chức, sản xuất và sắp xếp luân chuyển nhân sự CB cấp trung xong trong tháng 12/2020.</p> <p>16. Về đề xuất xin TCT hỗ trợ thưởng 1 tháng lương tiền tết cho NLĐ, sẽ b/c cáo Chủ tịch TCT.</p>



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng BKS	Bộ nhiệm 25/06/2020
2	Bùi Thị Minh Nga	Thành viên BKS	Bộ nhiệm 25/06/2020
3	Trần Thị Minh Hiền	Thành viên BKS	Bộ nhiệm 25/06/2020

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do
1	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng BKS	3	Bộ nhiệm 25/06/2020
2	Bùi Thị Minh Nga	Thành viên BKS	5	
3	Trần Thị Minh Hiền	Thành viên BKS	3	Bộ nhiệm 25/06/2020





BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Duy trì phiên họp định kỳ tối thiểu 1 quý 1 lần. Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT tổng quát về thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của Công ty; HĐQT thảo luận và quyết định thông qua các vấn đề phát sinh của Công ty.
- Tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các nghị quyết, quyết định, trực tiếp tại các phiên họp hoặc bằng hình thức trao đổi ý kiến sạu khi đã nghiên cứu kỹ tài liệu, hồ sơ của Công ty.
- HĐQT thảo luận và thông qua một số nội quan trọng sau:
 - Định hướng mục tiêu, chi tiêu kế hoạch và các giải pháp của Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện KH SXKD năm 2020.
 - Tỷ lệ chi cổ tức năm 2020.
 - Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
 - Đầu tư MMTB năm 2020.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Công ty đã có sự chấn chỉnh và khắc phục hầu hết những tồn tại về công tác quản lý cũng như điều hành trong năm 2019. Cơ cấu tổ chức, nhân sự được kiện toàn phát huy được năng lực. Nguồn hàng cơ bản được ổn định đảm bảo năng lực sản xuất và thu nhập cho người lao động. Điều này cho thấy sự nỗ lực lớn từ Ban điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng kịp thời giải quyết các hoạt động vướng mắc của Công ty, đưa ra nghị quyết giúp Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trong năm qua BKS đã nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông trong Công ty đã tạo điều kiện và cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS. Tại hầu hết các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chủ trì, BKS đều được mời tham dự và tham gia góp ý kiến về công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng
I	BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Ông Vũ Công Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT	289.366.418	24.809.192
2	Ông Chu Quang Thắng	Ủy viên HĐQT	255.366.418	19.061.681
3	Bà Nguyễn Nữ Uyên Thoa	Phó Tổng Giám đốc	38.369.652	14.904.849
4	Nguyễn Thị Thanh Nga	Kế toán trưởng	174.060.192	17.410.122

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

The background image shows a person's hands in a white shirt. One hand holds a gold pen over a calculator, while the other hand is near a document. A semi-transparent bar chart is overlaid on the bottom half of the image. In the top right corner, there is a green-bordered box containing the title. The overall theme is financial calculation and reporting.

Phần 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch
Ông Vũ Công Vinh	Phó Chủ tịch
Ông Chu Quang Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/12/2020)

Ban Tổng giám đốc

Ông Vũ Công Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Nữ Uyên Thoa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/12/2020)
Ông Chu Quang Thắng	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/12/2020)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI



Vũ Công Vinh
Tổng Giám đốc

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này.



Đặng Thị Thu Huyền
Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Ngô Bá Thiêm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2020-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.958.079.405	74.978.480.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.207.850.009	4.457.314.447
1 Tiền	111	V.1.	1.207.850.009	4.457.314.447
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.087.297.290	15.077.032.094
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	11.885.591.004	11.979.200.382
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	903.043.253	2.829.557.272
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	298.663.033	268.274.440
IV. Hàng tồn kho	140		35.189.912.599	51.106.808.960
1 Hàng tồn kho	141	V.5.	35.189.912.599	51.106.808.960
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.473.019.507	4.337.325.144
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.	96.487.668	374.319.799
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.231.461.958	3.817.935.464
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10.	145.069.881	145.069.881
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.874.747.087	17.012.480.426
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		10.764.406.638	12.139.088.584
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	10.764.406.638	12.139.088.584
- Nguyên giá	222		38.840.580.191	37.648.409.828
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.076.173.553)	(25.509.321.244)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.100.340.449	4.863.391.842
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	3.100.340.449	4.863.391.842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		65.832.826.492	91.990.961.071

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		47.568.628.413	69.789.406.285
I. Nợ ngắn hạn	310		47.568.628.413	69.789.406.285
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8.	15.575.366.291	27.544.329.591
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9.	1.154.750.000	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10.	209.567.873	79.724.130
4 Phải trả người lao động	314		9.536.533.671	8.461.774.887
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	457.681.572	51.765.354
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	1.350.722.610	1.335.838.577
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11.	17.725.177.135	32.051.329.247
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.558.829.261	264.644.499
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.264.198.079	22.201.554.786
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	18.264.198.079	22.201.554.786
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.110.970.000	15.110.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.110.970.000	15.110.970.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.772.292.709	2.586.548.233
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		380.935.370	4.504.036.553
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		462.530.915	789.147.030
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(81.595.545)	3.714.889.523
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		65.832.826.492	91.990.961.071

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bình



Nguyễn Thị Thanh Nga



Vũ Công Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	266.344.642.642	278.044.520.730
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		266.344.642.642	278.044.520.730
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	242.422.632.380	246.791.871.089
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.922.010.262	31.252.649.641
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.534.250.817	882.776.651
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	2.519.943.987	1.543.282.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.775.344.030	1.227.855.516
8 Chi phí bán hàng	24	VI.7	9.516.629.939	8.208.391.049
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	14.207.084.670	18.978.769.301
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(787.397.517)	3.404.983.398
11 Thu nhập khác	31	VI.5	1.148.059.817	1.364.795.279
12 Chi phí khác	32	VI.6	230.722.868	59.416.217
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		917.336.949	1.305.379.062
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		129.939.432	4.710.362.460
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	211.534.977	995.472.937
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(81.595.545)	3.714.889.523
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(52,84)	2.405,55

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình

Nguyễn Thị Thanh Nga

Vũ Công Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		129.939.432	4.710.362.460
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.859.185.946	3.203.537.429
- Các khoản dự phòng	03		-	(325.923.172)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(281.088.046)	(136.862.586)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.184.447)	(508.875.234)
- Chi phí lãi vay	06		1.775.344.030	1.227.855.516
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.480.196.915	8.170.094.413
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.177.592.235	5.631.474.174
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.916.896.361	(18.486.251.176)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(10.584.719.434)	2.765.282.294
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.040.883.524	(3.851.468.621)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.811.170.708)	(1.202.140.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(56.591.990)	(1.900.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	187.890.531
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(748.260.000)	(1.398.819.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.414.826.903	(10.083.938.804)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(175.454.000)	(3.756.414.764)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	502.763.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.184.447	6.111.598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(172.269.553)	(3.247.539.530)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		265.620.616.204	223.326.361.613
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(279.679.393.436)	(205.392.458.604)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(415.620.000)	(2.266.645.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.474.397.232)	15.667.257.509
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3.231.839.882)	2.335.779.175
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.457.314.447	2.144.940.575
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		(17.624.556)	(23.405.303)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	1.207.850.009	4.457.314.447

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình

Nguyễn Thị Thanh Nga

Vũ Công Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300346609 ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 4300346609 ngày 16 tháng 09 năm 2019 về thay đổi người đại diện pháp luật do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thì Vốn Điều lệ của Công ty là **15.110.970.000 VND (Mười lăm tỷ, một trăm mười triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)**.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công hàng may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may;
- Kinh doanh bao bì và nguyên phụ liệu ngành may.

Trụ sở Công ty tại: 121 Lê Trung Đình, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, công nhân Công ty phải nghỉ việc, ảnh hưởng đến năng suất lao động toàn Công ty, giao thương quốc tế bị hạn chế, nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm xuất khẩu của Công ty chủ yếu là nguyên liệu nhập khẩu cũng bị ảnh hưởng quá trình sản xuất, Công ty phải nhận đơn hàng gia công khẩu trang và áo sơ mi trong nước không phải là mặt hàng sản xuất chính của Công ty cũng làm cho năng suất lao động bị giảm đi đáng kể. Theo đó, doanh thu bán hàng và lợi nhuận trong năm 2020 bị sụt giảm.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc kế toán các chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí lương phép và các khoản phụ cấp theo lương, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hộ lao động, chi phí tiền thuê đất,... là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi hoặc lỗ từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	35.172.745	95.328.738
Tiền gửi ngân hàng	1.172.677.264	4.361.985.709
Cộng	1.207.850.009	4.457.314.447

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Motives (Far East) Limited	-	-	9.519.122.530	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty CP	-	-	1.282.173.750	-
Hultafors Group AB	359.756.775	-	361.509.015	-
Motives International Hong Kong Limited	8.894.252.146	-	-	-
Công ty TNHH May mặc và Thương mại KK Fashion	1.566.583.650	-	-	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	528.924.468	-	-	-
Công ty CP 28 Đà Nẵng	365.750.000	-	-	-
Các đối tượng khác	170.323.965	-	816.395.087	-
Cộng	11.885.591.004	-	11.979.200.382	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Camín Textile Limited	-	1.483.777.704
Suzhou Oracle textile techLogy Co., LTD	809.852.843	809.852.843
Các đối tượng khác	93.190.410	535.926.725
Cộng	903.043.253	2.829.557.272

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	298.663.033	-	268.274.440	-
Công ty CP 28 Đà Nẵng	2.013.251	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các đối tượng khác	196.348.285	-	190.307.855	-
Tạm ứng	100.301.497	-	77.966.585	-
Chu Quang Thắng	-	-	23.630.116	-
Nguyễn Phúc Nguyên	15.000.000	-	-	-
Bùi Văn Diệt	15.000.000	-	-	-
Đình Tiến Quốc	14.827.707	-	10.000.000	-
Trương Văn Viên	12.840.000	-	-	-
Phạm Thanh Minh	11.602.418	-	10.000.000	-
Các đối tượng khác	31.031.372	-	34.336.469	-
b) Dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	308.663.033	-	278.274.440	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu vật liệu	13.830.221.358	-	29.022.343.595	-
Công cụ, dụng cụ	113.472.813	-	83.042.876	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.037.062.128	-	3.862.021.210	-
Thành phẩm	18.195.512.245	-	18.121.522.515	-
Hàng hóa	13.644.055	-	17.878.764	-
Cộng	35.189.912.599	-	51.106.808.960	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	96.487.668	374.319.799
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	96.487.668	264.479.271
Chi phí sửa chữa	-	52.729.500
Chi phí bảo hiểm	-	57.111.028
b) Dài hạn	3.100.340.449	4.863.391.842
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.100.340.449	4.770.836.285
Chi phí sửa chữa tài sản	-	92.555.557
Cộng	3.196.828.117	5.237.711.641

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2020	15.087.485.327	17.810.436.596	2.345.348.262	2.405.139.643	37.648.409.828	
Mua trong năm	-	1.309.050.000	-	175.454.000	1.484.504.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	(200.970.000)	-	(91.363.637)	(292.333.637)	
Phân loại lại	-	(270.423.000)	-	270.423.000	-	
Số dư ngày 31/12/2020	15.087.485.327	18.648.093.596	2.345.348.262	2.759.653.006	38.840.580.191	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2020	7.813.360.978	13.040.849.211	2.318.681.595	2.336.429.460	25.509.321.244	
Khấu hao trong năm	944.743.464	1.694.008.869	26.666.667	193.766.946	2.859.185.946	
Thanh lý, nhượng bán	-	(200.970.000)	-	(91.363.637)	(292.333.637)	
Phân loại lại	-	44.297.431	-	(44.297.431)	-	
Số dư ngày 31/12/2020	8.758.104.442	14.578.185.511	2.345.348.262	2.394.535.338	28.076.173.553	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	7.274.124.349	4.769.587.385	26.666.667	68.710.183	12.139.088.584	
Tại ngày 31/12/2020	6.329.380.885	4.069.908.085	-	365.117.668	10.764.406.638	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.843.441.721 VND (tại ngày 31/12/2019: 13.359.332.790 VND).

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.399.288.970 VND (tại ngày 31/12/2019: 6.046.269.570 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Pang Rim Co.,Ltd	1.506.570.454	1.506.570.454	6.701.762.262	6.701.762.262
Công ty TNHH Thương mại sản xuất bao bì Hải Vương	2.172.206.913	2.172.206.913	3.337.674.934	3.337.674.934
Polaris Handelsgesellcha Ft M.B.H	2.105.581.561	2.105.581.561	-	-
A&I tex corporation Shinyoung	1.057.239.234	1.057.239.234	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nguồn Việt	317.998.170	317.998.170	780.162.258	780.162.258
Huamao (Xiamen) Special material Co.,Ltd	1.091.405.932	1.091.405.932	3.300.339.295	3.300.339.295
Công ty TNHH Coats Phong Phú	592.039.728	592.039.728	824.911.351	824.911.351
Các đối tượng khác	6.732.324.299	6.732.324.299	12.599.479.491	12.599.479.491
Cộng	15.575.366.291	15.575.366.291	27.544.329.591	27.544.329.591

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

9. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Motives Far East Limited (KH)	1.154.750.000	
Cộng	1.154.750.000	

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a) Phải nộp				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	52.838.880	211.534.977	56.591.990	207.781.867
Thuế Thu nhập cá nhân	26.885.250	51.703.880	76.803.124	1.786.006
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	79.724.130	266.238.857	136.395.114	209.567.873
b) Phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	145.069.881	-	-	145.069.881
Cộng	145.069.881	-	-	145.069.881

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	17.725.177.135	17.725.177.135	265.620.616.204	279.946.768.316	32.051.329.247	32.051.329.247
Cộng	17.725.177.135	17.725.177.135	265.620.616.204	279.946.768.316	32.051.329.247	32.051.329.247

(i) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng cấp tín dụng số 34475.20.651.123015.TD ngày 27/07/2020, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may, hạn mức tín dụng 65.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng hết ngày 08/07/2021, thời hạn cho vay không vượt quá 6 tháng, lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, các khoản phải thu/quyền đòi nợ luân chuyển, nhà xưởng và công trình trên đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 05 tại phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	15.938.676	51.765.354
Trích trước chi phí tiền thuê đất	396.742.896	
Trích trước chi phí kiểm toán	45.000.000	
Cộng	457.681.572	51.765.354

13. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	579.465.924	294.093.504
Bảo hiểm xã hội	-	864.702.928
Phải trả, phải nộp khác	771.256.686	177.042.145
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28	483.327.884	6.129.133
Các đối tượng khác	287.928.802	170.913.012
Cộng	1.350.722.610	1.335.838.577

b) Phải trả khác là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2

14. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	15.110.970.000	4.139.753.060	19.250.723.060
Lãi trong năm trước	-	3.714.889.523	3.714.889.523
Trích thường ban quản lý điều hành	-	(162.000.000)	(162.000.000)
Chia cổ tức	-	(2.266.645.500)	(2.266.645.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(924.578.832)	(924.578.832)
Tặng khác	-	2.618.302	2.618.302
Số dư ngày 31/12/2019	15.110.970.000	4.504.036.553	19.615.006.553
Lỗ trong năm nay	-	(81.595.545)	(81.595.545)
Trích lập các quỹ	-	(2.043.189.238)	(2.043.189.238)
Thù lao ban điều hành	-	(185.000.000)	(185.000.000)
Chia cổ tức	-	(1.813.316.400)	(1.813.316.400)
Số dư ngày 31/12/2020	15.110.970.000	380.935.370	15.491.905.370

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	11.647.470.000	11.647.470.000
Các cổ đông khác	3.463.500.000	3.463.500.000
Cộng	15.110.970.000	15.110.970.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	15.110.970.000	15.110.970.000
Vốn góp đầu năm	15.110.970.000	15.110.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.110.970.000	15.110.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.813.316.400	2.266.645.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	1.511.097	1.511.097
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.511.097	1.511.097
- Cổ phiếu phổ thông	1.511.097	1.511.097
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.511.097	1.511.097
- Cổ phiếu phổ thông	1.511.097	1.511.097
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

e) Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	2.586.548.233	185.744.476	-	2.772.292.709
Cộng	2.586.548.233	185.744.476	-	2.772.292.709

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 2103/HĐ-BQP ngày 12/07/2012 với Bộ Quốc phòng, tại địa chỉ số 121 Lê Trung Đình, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để sử dụng với mục đích làm trụ sở chính, nhà xưởng sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 49 năm (từ năm 2012 đến năm 2061). Diện tích khu đất thuê là 10.685,30 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất theo định kỳ mỗi năm một lần, trước ngày 30 tháng 09 hàng năm.

b) Tài sản nhận giữ hộ

- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công:

Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	31/12/2020	01/01/2020
		Số lượng	Số lượng
- Nguyên liệu chính		46.159,21	58.759,77
+ Vải các loại, keo các loại	Mét	35.799,61	56.270,30
+ Vải các loại, gòn bông	Yard	10.349,30	2.488,47
+ Vải màn tuyen lót túi K1.50	Kg	10,30	1,00
- Phụ liệu		425.782,36	607.977,56
+ Phụ liệu các loại	Bộ	2.344,00	1.310,00
+ Phụ liệu các loại	Cái	377.606,00	564.778,00
+ Phụ liệu các loại	Cặp	1.363,00	5.522,00
+ Phụ liệu các loại	Cuộn	1.213,00	5.892,00
+ Gói hút ẩm	gói	1.123,00	1.119,00
+ Thùng Carton các loại	Kg	5,00	5,00
+ Phụ liệu các loại	Mét	38.528,80	27.259,56
+ Phụ liệu các loại	Yard	3.599,56	2.092,00

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	42.036,72	181.760,53

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
- Công ty TNHH May mặc SM	887.702.339	887.702.339
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạch Việt	141.220.850	141.220.850
- Active Knitwear Resource Inc	291.469.100	291.469.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	241.065.615.696	247.425.553.985
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên liệu	3.718.314.466	1.557.111.877
Doanh thu gia công	21.416.212.480	28.894.666.710
Doanh thu khác	144.500.000	167.188.158
Cộng	266.344.642.642	278.044.520.730

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán thành phẩm	218.908.074.774	220.434.496.664
Giá vốn hàng hóa, nguyên liệu	3.468.950.796	1.829.165.689
Giá vốn gia công	20.044.800.032	24.854.131.908
Giá vốn khác	806.778	-
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(325.923.172)
Cộng	242.422.632.380	246.791.871.089

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.184.447	6.111.598
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.249.978.324	739.802.467
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	281.088.046	136.862.586
Cộng	1.534.250.817	882.776.651

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	1.775.344.030	1.227.855.516
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	744.599.957	315.427.028
Cộng	2.519.943.987	1.543.282.544

5. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	502.763.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tiền hỗ trợ từ khách hàng	871.783.899	630.588.038
Thu tiền phạt, bồi thường hợp đồng	50.590.875	14.116.000
Thu nhập khác	225.685.043	217.327.605
Cộng	1.148.059.817	1.364.795.279
6. Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	78.519.861	34.428.905
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	11.320.185
Chi phí quà tặng	129.741.820	-
Chi phí khác	22.461.187	13.667.127
Cộng	230.722.868	59.416.217
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	9.516.629.939	8.208.391.049
Chi phí vật liệu, bao bì	6.938.784.464	5.485.024.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.441.493.968	2.289.818.472
Chi phí bằng tiền khác	136.351.507	433.547.791
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	14.207.084.670	18.978.769.301
Chi phí nhân viên quản lý	9.379.408.593	13.759.428.392
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	745.793.603	469.756.197
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.673.968	-
Thuế, phí, lệ phí	577.092.634	862.027.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	945.804.012	1.300.216.319
Chi phí bằng tiền khác	2.504.311.860	2.587.341.207
Cộng	23.723.714.609	27.187.160.350
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	169.208.760.702	180.144.030.447
Chi phí nhân công	62.595.596.323	77.495.241.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.859.185.946	3.203.537.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.742.185.783	6.472.665.966
Chi phí khác bằng tiền	6.066.110.594	8.704.493.669
Cộng	255.471.839.348	276.019.969.448

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	129.939.432	4.710.362.460
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.003.814.494	309.002.223
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	773.091.626	249.585.000
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	230.722.868	59.417.223
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.753.926	5.019.364.683
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	226.750.785	1.003.872.937
Điều chỉnh giảm các khoản chi cho lao động nữ (*)	(20.700.000)	(8.400.000)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	5.484.192	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	211.534.977	995.472.937
(*) Công ty được giảm thuế đối với trường hợp doanh nghiệp sản xuất sử dụng nhiều lao động nữ với mức giảm bằng số chi thêm cho các lao động nữ căn cứ theo quy định của pháp luật về lao động, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(81.595.545)	3.714.889.523
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(81.595.545)	3.714.889.523
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.544.300	1.544.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(52,84)	2.405,55
(*) Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.		
VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	267.374.880	-
Bù trừ khoản cổ tức phải trả với khoản phải thu khác	1.397.696.400	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	265.620.616.204	223.326.361.613

2. Số tiền đi vay thực trả trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	279.679.393.436	205.392.458.604

VIII. Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2.1. Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
 Công ty Cổ phần Bình Phú
 Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty trong cùng tập đoàn
 Công ty trong cùng tập đoàn

2.2. Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Mua hàng	572.810.099	397.494.835
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	366.880.064	153.110.001
Công ty Cổ phần Bình Phú	168.817.193	216.212.095
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	37.112.842	28.172.739
Doanh thu bán hàng	11.476.412.915	2.360.890.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	6.690.169.045	2.360.890.000
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	4.786.243.870	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	967.192.787	-

2.3. Số dư các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	894.674.468	127.215.887
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	365.750.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	528.924.468	127.215.887
Phải thu ngắn hạn khác	2.013.251	-
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	2.013.251	-
Phải trả ngắn hạn khác	483.327.884	6.129.133
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	483.327.884	6.129.133

2.4. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	650.918.917	931.804.282
Cộng	650.918.917	931.804.282

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	17.725.177.135	32.051.329.247
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.207.850.009	4.457.314.447
Nợ thuần	16.517.327.126	27.594.014.800
Vốn chủ sở hữu	18.264.198.079	22.201.554.786
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	90%	124%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.207.850.009	4.457.314.447
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.194.254.037	12.257.474.822
Cộng	13.402.104.046	16.714.789.269
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	17.725.177.135	32.051.329.247
Phải trả người bán và phải trả khác	16.926.088.901	28.880.168.168
Chi phí phải trả	457.681.572	51.765.354
Cộng	35.108.947.608	60.983.262.769

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2020	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	
Phải trả người bán và phải trả khác	16.926.088.901	-	16.926.088.901
Chi phí phải trả	457.681.572	-	457.681.572
Các khoản vay	17.725.177.135	-	17.725.177.135
01/01/2020	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	28.880.168.168	-	28.880.168.168
Chi phí phải trả	51.765.354	-	51.765.354
Các khoản vay	32.051.329.247	-	32.051.329.247

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.207.850.009	-	1.207.850.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.184.254.037	10.000.000	12.194.254.037
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.457.314.447	-	4.457.314.447
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.247.474.822	10.000.000	12.257.474.822

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bình

Nguyễn Thị Thanh Nga

Vũ Công Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Tổng Giám đốc

Vũ Công Vinh